TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN C** THÀNH PHỐ C	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/DS-ST
Ngày 17/01/2023
V/v "*Tranh chấp chia di sản thừa kế theo pháp luật"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Phan Vũ Linh.**

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1/ Ông **Nguyễn Thanh Tùng.**

2/ Ông **Nguyễn Văn Sang.**

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà **Trần Thị Hạnh Nhung –** Thư ký Tòa án nhân dân quận C, thành phố C.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C tham gia phiên tòa*:** Ông **Trần Bảo Quốc** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận C đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2022/TLST-DS ngày 04/01/2022 về việc "*Tranh chấp chia di sản thừa kế theo pháp luật"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 12/2022/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*:

1.1. Ông **Võ Văn Th**, sinh năm 1967.

Địa chỉ: ấp Đông Thuận, xã Đông Thạnh, huyện CT, tỉnh H.

1.2. Bà **Võ Thị T**, sinh năm 1953.

Địa chỉ: ấp Khánh An, xã Phú An, huyện CT, tỉnh H.

1.3. Bà **Võ Thị N**, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Số 148 khu vực Yên Hạ, phường T, quận C, thành phố C.

1.4. Bà **Võ Thị L**, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Số 261 khu vực Thạnh Lợi, phường T, quận C, thành phố C.

1.5. Ông **Võ Văn H**, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Số 315 khu vực Thạnh Lợi, phường T, quận C, thành phố C.

1.6. Bà **Võ Thị V**, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Số 325 khu vực Thạnh Lợi, phường T, quận C, thành phố C.

1.7. Bà **Võ Thị Th**, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Số 315 khu vực Thạnh Lợi, phường T, quận C, thành phố C.

1.8. Ông **Võ Văn Đ**, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Số 315A khu vực Thạnh Lợi, phường T, quận C, thành phố C.

1.9. Ông **Võ Văn A**, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số 315 khu vực Thạnh Lợi, phường T, quận C, thành phố C.

Đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn bà Võ Thị Th, bà Võ Thị T, bà Võ Thị N, bà Võ Thị L, ông Võ Văn H, bà Võ Thị V, ông Võ Văn Đ và ông Võ Văn A: Ông **Võ Văn Th**, sinh năm 1967 (Văn bản ủy quyền ngày 17/01/2022 và ngày 18/01/2022) (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Võ Thị T: Luật sư **Trần Văn S** – Công ty Luật Anh Sĩ thuộc Đoàn Luật sư thành phố C.

Địa chỉ: Số 253AC2 đường số 4, KDC Cái Sơn – Hàng Bàng, khu vực 2, phường An Bình, quận Ninh Kiều, thành phố C.

2. *Bị đơn*: Ông **Võ Văn Ẩn**, sinh năm 1973 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khu vực Thạnh Lợi, phường T, quận C, thành phố C.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1. Ông **Võ Văn Tưởng**, sinh năm 1951 (Xin giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: Số 183 Khu vực Yên Thạnh, phường T, quận C, thành phố C.

3.2. **Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam** (Xin giải quyết vắng mặt).

Chi nhánh C: Số 106/4 đường Võ Tánh, phường Lê Bình, quận C, thành phố C.

3.3. **Ủy ban nhân dân quận C, thành phố C** (Yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: Khu vực Thạnh Thuận, phường Phú Thứ, quận C, thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn ông Võ Văn Th (đồng thời là người nhận ủy quyền của các nguyên đơn bà Võ Thị T, bà Võ Thị N, ông Võ Văn H, bà Võ Thị V, bà Võ Thị Th, ông Võ Văn Đ, Võ Thị L và ông Võ Văn A) trình bày và yêu cầu:* Lúc sinh thời cha mẹ là cụ Võ Văn Lệ (mất năm 2008) và bà Nguyễn Thị Hy (mất năm 2013) có với nhau 11 người con, cha mẹ có tạo lập tài sản chung là quyền sử dụng đất

thuộc các thửa đất số 10, 11, 12 109, 108 và 130, tờ bản đồ số 04, đất tọa lạc tại ấp Thạnh Thuận, xã Đông Thạnh, huyện CT (nay là khu vực Thạnh Lợi, phường T, quận C) thuộc Giấy chứng nhận QSD đất số 000209 do Ủy ban nhân dân huyện CT (cũ) cấp ngày 14/4/1998. Sau khi cha mẹ mất thì các anh em đã thỏa thuận thống nhất phân chia các thửa đất số 109, 108 và 130. Riêng đối với các thửa đất số 10, 11 và 12 không thỏa thuận phân chia được. Nay các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia di sản của cha mẹ để lại theo quy định của pháp luật đối với các thửa đất số 10, 11 và 12, tờ bản đồ số 04, đất tọa lạc tại khu vực Thạnh Lợi, phường T, quận C thành 10 phần bằng nhau, mỗi phần tương đương phần đất có diện tích 1.260,1m^2.

- *Phần trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh C trình bày: Trước đây ngày 02/7/2007, ông Võ Văn Lệ và bà Nguyễn Thị Hy có ký hợp đồng tín dụng số: 1808-LAV-200801475 với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh C (sau đây viết tắt là Ngân hàng Agribank chi nhánh C) để vay số tiền gốc là 7.000.000đ (Bảy triệu đồng), để đảm bảo khoản vay này phía ông Lệ và bà Hy có thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000209 do Ủy ban nhân dân huyện CT (cũ) cấp ngày 14/4/1998. Đến ngày 03/11/2010, ông Lệ và bà Hy đã tất toán khoản nợ trên, hiện phía Ngân hàng Agribank chi nhánh C đang giữ bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên, trong vụ án này phía Ngân hàng không có yêu cầu, ý kiến gì, đề nghị Toà án giải quyết vụ án trên theo quy định của pháp luật.

+ Ông Võ Văn Tưởng trình bày: Cha mẹ ông là cụ Võ Văn Lệ (mất năm 2008) và bà Nguyễn Thị Hy (mất năm 2013) lúc sinh thời có với nhau 11 con chung, trước khi cha mẹ ông chết không để lại di chúc giao phần di sản gồm các thửa đất số 10, 11, 12, 109, 108 và 130, tờ bản đồ số 04, của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000209 do Ủy ban nhân dân huyện CT (cũ) cấp ngày 14/4/1998 cho người khác được hưởng. Qua yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với ba thửa đất số 10, 11 và 12 thì ông đồng ý, riêng kỷ phần thừa kế của ông được hưởng thì ông từ chối, đề nghị chia di sản của cha mẹ để lại cho 10 anh em còn lại của ông theo quy định của pháp luật.

Có mặt tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Võ Văn Th vẫn giữ ý kiến trình bày và yêu cầu như trên.

Luật sư Trần Văn S (bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Võ Thị T) có ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tới, do cha mẹ của các nguyên đơn là cụ Lệ và cụ Hy chết không để lại di chúc, không giao phần di sản cho người nào được hưởng nên đề nghị Hội đồng xét xử chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với quyền sử dụng đất thuộc các thửa số 10, 11 và 12 cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ Lệ và cụ Hy. Do ông Võ Văn Tưởng có văn bản từ chối hưởng di sản thừa kế nên đề nghị chia phần di sản này cho 10 người con gồm 09 nguyên đơn và bị đơn ông Ẩn, mỗi người được hưởng một phần theo quy định của pháp luật.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, cũng như tại phiên tòa hôm nay: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định về trình tự, thủ tục tố tụng. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý giải quyết đúng quy định; Tòa án đã tiến hành thủ tục hòa giải, thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật, không phát hiện vi phạm.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn trong vụ án đúng quy định. Đối với bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên đề nghị xét xử vắng mặt theo quy định, riêng đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn Tưởng, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam và Uỷ ban nhân dân quận C có yêu cầu giải quyết vắng mặt, nên đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt theo quy định.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, do cụ Lệ và cụ Hy lúc sinh thời có với nhau 11 (mười một) người con chung, gồm: ông Võ Văn Tưởng, bà Võ Thị T, bà Võ Thị N, bà Võ Thị L, ông Võ Văn H, bà Võ Thị V, ông Võ Văn Th, bà Võ Thị Thuỷ, ông Võ Văn Đ, ông Võ Văn Ẩn và ông Võ Văn A; cụ Lệ và cụ Hy có tạo lập phần tài sản là quyền sử dụng đất gồm các thửa đất số 10, 11, 12, 109, 108 và 130, tờ bản đồ số 04, của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000209 do Ủy ban nhân dân huyện CT (cũ) cấp ngày 14/4/1998. Trước khi mất cụ Lệ và cụ Hy không lập di chúc giao phần di sản này cho ai được hưởng nên phần di sản này được chia thừa kế theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất gồm 11 người con, trong quá trình giải quyết vụ án phía ông Tưởng từ chối nhận kỷ phần thừa kế, nên phần di sản sẽ được chia đều cho 10 người con thuộc hàng thừa kế thứ nhất còn lại. Tuy nhiên, theo đơn khởi kiện thì các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế đối với ba thửa đất số 10, 11 và 12, theo kết quả đo đạc thực tế có tổng diện tích là 10.485,2m^2 trừ đi

phần diện tích đất giao thông 93,5m^2, diện tích còn lại là 10.391,7m^2 sẽ chia cho 10 người, mỗi người được hưởng một kỷ phần bằng nhau. Riêng đối với các thửa đất 109, 108 và 130 các đương sự thống nhất xác định đây là tài sản chung nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Nguyên đơn bà Võ Thị T, bà Võ Thị N, bà Võ Thị L, ông Võ Văn H, bà Võ Thị V, ông Võ Văn Th, bà Võ Thị Thuỷ, ông Võ Văn Đ và ông Võ Văn A cho rằng lúc sinh thời cha mẹ ông là cụ Võ Văn Lệ (chết năm 2008) và cụ Nguyễn Thị Hy (chết năm 2013) có tạo lập và để lại quyền sử dụng đất thuộc thửa số 10, 11 và 12, tờ bản đồ số 04, của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000209 do Ủy ban nhân dân huyện CT (cũ) cấp ngày 14/4/1998. Do cha mẹ chết không để lại di chúc giao phần di sản này cho ai được hưởng nên các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản này thành 10 phần bằng nhau. Quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là "*Tranh chấp chia di sản thừa kế theo pháp luật*", vụ việc được Tòa án nhân dân quận C thụ lý giải quyết theo quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Đối với bị đơn ông Võ Văn Ẩn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên toà nhưng vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Riêng đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn Tưởng, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam và Uỷ ban nhân dân quận C có yêu cầu giải quyết vắng mặt, xét đây là quyền của đương sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Xét yêu cầu của các đương sự*:

Xét yêu cầu khởi kiện về việc chia di sản thừa kế theo pháp luật của các nguyên đơn bà Võ Thị T, bà Võ Thị N, bà Võ Thị L, ông Võ Văn H, bà Võ Thị V, ông Võ Văn Th, bà Võ Thị Thuỷ, ông Võ Văn Đ và ông Võ Văn A, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về hàng thừa kế theo pháp luật của cụ Võ Văn Lệ và cụ Nguyễn Thị Hy:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án tại Tờ khai quan hệ thừa kế có xác nhận của chính quyền địa phương (BL 54) và trong quá trình giải quyết vụ án các nguyên đơn khai thống nhất là cụ Võ Văn Lệ, sinh năm 1923 (chết ngày 10/02/2008) và cụ Nguyễn Thị Hy, sinh năm 1932 (chết ngày 23/7/2013), cha mẹ của cụ Lệ và cụ Hy đã chết trước khi cụ Lệ và cụ Hy chết, lúc sinh thời cụ Lệ và cụ Hy có với nhau 11 (mười một) người con chung gồm: ông Võ Văn Tưởng, bà Võ Thị T, bà Võ Thị N, bà Võ Thị L, ông Võ Văn H, bà Võ Thị V, ông Võ Văn Th, bà Võ Thị Thuỷ, ông Võ Văn Đ, ông Võ Văn Ẩn và ông Võ Văn A, ngoài ra không có con riêng, con nuôi nào. Như vậy, có cơ sở khẳng định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Lệ và cụ Hy gồm 11 (mười một) người là ông Võ Văn Tưởng, bà Võ Thị T, bà Võ Thị N, bà Võ Thị L, ông Võ Văn H, bà Võ Thị V, ông Võ Văn Th, bà Võ Thị Thuỷ, ông Võ Văn Đ, ông Võ Văn Ẩn và ông Võ Văn A.

Về thời hiệu chia di sản thừa kế theo pháp luật:

Người để lại di sản là cụ Lệ (mất năm 2008) và cụ Hy (mất năm 2013), theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 "*Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản…*", theo quy định của pháp luật vừa viện dẫn thì thời hiệu chia di sản thừa kế của các nguyên đơn đối với phần di sản của cụ Lệ, cụ Hy để lại là còn thời hiệu.

Xét về di sản thừa kế của cụ Võ Văn Lệ và cụ Nguyễn Thị Hy:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện nguồn gốc các thửa đất số 10, loại đất 2L có diện tích 500m^2, thửa đất số 11, loại đất 2L có diện tích 7.818m^2, thửa đất số 12, loại đất Q có diện tích 4.283m^2, thửa đất số 109, loại đất T có diện tích 200m^2, thửa đất số 108, loại đất Q có diện tích 3.395m^2 và thửa đất số 130, loại đất Q có diện tích 700m^2, tờ bản đồ số 04, toạ lạc tại ấp Thạnh Thuận, xã Đông Thạnh, huyện CT, tỉnh C, tổng diện tích theo giấy chứng nhận là 16.896m^2. Các thửa đất này do cụ Lệ và cụ Hy tạo lập lúc còn sống, cụ Lệ đăng ký kê khai vào năm 1991 và được Uỷ ban nhân dân huyện CT (cũ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000209 vào ngày 14/4/1998.

Các đương sự khai thống nhất là lúc sinh thời cụ Lệ và cụ Hy không có lập di chúc giao phần di sản này cho ai được hưởng, cho nên phần di sản gồm 06 thửa đất trên của cụ Lệ và cụ Hy để lại sẽ được phân chia thừa kế theo pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án các nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn Tưởng khai nhận đối với phần di sản trên thì không có ai có công sức tôn tạo theo quy định tại khoản 2 Điều 651 của Bộ luật Dân sự năm

2015 "*Những người thừa kế cùng hàng được hưởng phần di sản bằng nhau*", theo quy định của pháp luật vừa viện dẫn thì di sản thừa kế của cụ Lệ và cụ Hy để lại sẽ được chia đều cho 11 người con thuộc hàng thừa kế thứ nhất. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn Tưởng (thuộc hàng thừa kế thứ nhất) xin từ chối nhận di sản thừa kế của cụ Lệ và cụ Hy để lại (BL 94). Xét việc từ chối nhận di sản thừa kế của ông Tưởng là hoàn toàn tự nguyện, không nhằm trốn tránh thực hiện nghĩa vụ với người khác, phù hợp quy định tại Điều 620 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

Mặt khác, theo đơn khởi kiện (đề ngày 07/12/2021) của các nguyên đơn ông Thuần, bà Tới, bà Ngây, bà Lành, ông Hậu, bà Vui, bà Thuỷ, ông Được và ông Ảnh yêu cầu phân chia thừa kế đối với ba thửa đất số 10, 11 và 12, riêng đối với ba thửa đất số 108, 109 và 130 các đương sự thống nhất đề nghị công nhận là tài sản chung không yêu cầu chia thừa kế trong vụ án này, theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 "*Đương sự có quyền quyết định việc khởi kiện, yêu cầu Toà án có thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự. Toà án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*". Như vậy, phần di sản của cụ Lệ và cụ Hy gồm ba thửa đất số 10, 11 và 12, tờ bản đồ số 04 sẽ được phân chia thừa kế theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất sau khi trừ đi phần ông Tưởng đã từ chối nhận, cụ thể di sản này được chia đều cho 10 người con còn lại thuộc hàng thừa kế thứ nhất, mỗi người sẽ được hưởng một phần bằng nhau.

Theo kết quả đo đạc thực tế thể hiện tại Bản trích đo địa chính số: 123/TTKTTNMT ngày 24/8/2022 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố C thì tổng diện tích của ba thửa đất số 10, 11 và 12 là 10.485,2m^2, theo giấy chứng nhận được cơ quan có thẩm quyền cấp có diện tích là 12.601m^2, như vậy diện tích đo đạc thực tế so với giấy chứng nhận thiếu 2.115,8m^2. Có mặt tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn ông Võ Văn Th (đồng thời là người đại diện uỷ quyền của 08 nguyên đơn còn lại trong vụ án) có ý kiến đối với phần diện tích đo đạc thực tế thiếu so với giấy chứng nhận là do hiến đất làm lộ nông thôn và bị sạt lở, ông thống nhất với diện tích đo đạc thực tế. Mặt khác, theo Bản trích đo địa chính số: 123/TTKTTNMT ngày 24/8/2022 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố C thể hiện trong phần diện tích 10.485,2m^2 có 93,5m^2 đã làm đường giao thông, theo quy định của pháp luật đất

đai thì phần đất này không được công nhận và cấp quyền sử dụng đất, cho nên phần đất làm đường giao thông không được phân chia thừa kế. Nên phần diện tích còn lại là được chia thừa kế theo pháp luật sau khi trừ đi diện tích làm đường giao thông còn lại là 10.391,7m^2 được chia cho 10 kỷ phần, mỗi kỷ phần tương đương 1.039,17m^2. Tuy nhiên, do hình thể, đặc điểm của phần đất phân chia, cũng như đảm bảo về điều kiện được công nhận quyền sử dụng đất cho các đương sự phù hợp với quy định của pháp luật nên việc phân chia bằng hiện vật cụ thể sẽ không bằng nhau, có mặt tại phiên toà sơ thẩm nguyên đơn ông Thuần (đồng thời là người đại diện theo uỷ quyền của 08 nguyên đơn còn lại trong vụ án) có ý kiến đối với phần chênh lệch diện tích giữa các kỷ phần được chia cho từng người được thụ hưởng sẽ thống nhất theo phán quyết của Toà án, không có ý kiến. Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ thể hiện bị đơn ông Ẩn đang quản lý, sử dụng phần đất có ký hiệu là F nên để tạo điều kiện trong việc phân chia thừa kế và thi hành án nghĩ nên tiếp tục giao phần đất này cho Ẩn khi phân chia thừa kế.

Về cây trồng có trên phần đất tranh chấp, theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 06/4/2022 của Toà án nhân dân quận C thể hiện có 127 cây nhãn loại B do bị đơn ông Võ Văn Ẩn trồng trên phần đất được ký hiệu là F của Bản trích đo địa chính số: 123/TTKTTNMT ngày 24/8/2022 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố C, do đây là phần đất sẽ chia cho ông Ẩn được hưởng, nên tiếp tục giao cho bị đơn hưởng mà không chia thừa kế. Riêng đối với phần cây trồng còn lại là 26 cây chuối loại A, nguyên đơn ông Thuần đề nghị khi phân chia thừa kế thì phần cây trồng này có trên đất của ai thì người đó được hưởng. Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo thi hành án, hơn nữa số cây trồng còn lại này không có giá trị lớn nên có trên phần đất của đương sự nào được chia thì sẽ được hưởng mà không phân chia thừa kế.

Ngoài ra, theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ thể hiện trên phần đất chia thừa kế có một căn nhà của ông Võ Văn H có kết cấu khung bê tông đúc sẵn, vách tường, mái tole, nền gạch men, trần tấm prima có diện tích 38,11m^2 và mái che có diện tích 9,62m^2, được xây dựng trên phần đất được ký hiệu là G, cho nên sẽ phân chia cho ông Hậu phần đất có ký hiệu là G và ông Hậu được tiếp tục sở hữu đối với căn nhà và mái che này, cũng như để đảm bảo việc thi hành án.

Theo đơn khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết vụ án các nguyên đơn có ý kiến đối với ba thửa đất gồm thửa đất số 109, thửa đất số 108 và thửa đất số 130 còn lại của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000209 do Uỷ ban

nhân dân huyện CT (cũ) cấp ngày 14/4/1998, thống nhất đề nghị công nhận tài sản chung mà không phân chia thừa kế theo pháp luật trong vụ án này. Xét ý kiến này của các đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận, ba quyền sử dụng đất trên được xác lập và được công nhận tài sản chung cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ Lệ và cụ Hy theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị T, bà Võ Thị N, bà Võ Thị L, ông Võ Văn H, bà Võ Thị V, ông Võ Văn Th, bà Võ Thị Thuỷ, ông Võ Văn Đ và ông Võ Văn A là có cơ sở và phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Xét ý kiến của Luật sư Trần Văn S (người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Võ Thị T) là có cơ sở và phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Số tiền là 9.973.000đ (Chín triệu chín trăm bảy mươi ba nghìn đồng), các nguyên đơn và bị đơn ông Ẩn phải chịu số tiền này. Có mặt tại phiên toà, nguyên đơn ông Thuần (đồng thời là người đại diện uỷ quyền của 08 nguyên đơn còn lại) có ý kiến là các nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí này, xét đây là ý kiến tự nguyện của các nguyên đơn và có lợi cho bị đơn ông Ẩn nên chấp nhận; các nguyên đơn đã nộp tạm ứng trước và đã chi xong nên không phải nộp nữa.

[5] Về án phía dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn và bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với phần tài sản được chia theo kết quả định giá của Hội đồng định giá thì quyền sử dụng đất của loại đất lúa là 120.000đ/m^2 (Một trăm hai mươi nghìn đồng mét vuông), đất cây lâu năm là 140.000đ/m^2 (Một trăm bốn mươi nghìn đồng mét vuông). Riêng đối với nguyên đơn bà Võ Thị T, bà Võ Thị N, bà Võ Thị L và ông Võ Văn H thuộc diện người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên miễn phần án phải chịu cho bà Tới, bà Ngây, bà Lành và ông Hậu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, Điều 147, 157, 161, 165, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, các Điều 235, 264 và 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 207, 208, 218, 609, 610, 612, 613, 620, 649, 650, 651 và 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 100, 166, 167 của Luật Đất đai năm 2013.

Căn cứ Điều 12 và khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế theo pháp luật của các nguyên đơn bà Võ Thị T, bà Võ Thị N, bà Võ Thị L, ông Võ Văn H, bà Võ Thị V, ông Võ Văn Th, bà Võ Thị Thuỷ, ông Võ Văn Đ và ông Võ Văn A.

Xác định quyền sử dụng gồm các thửa số 10, 11 và 12, tờ bản đồ số 04, toạ lạc tại ấp Thạnh Thuận, xã Đông Thạnh, huyện CT, tỉnh C (nay là khu vực Thạnh Lợi, phường T, quận C, thành phố C) của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000209 do Uỷ ban nhân dân huyện CT (cũ) cấp ngày 14/4/1998, có tổng diện tích là 10.391,7m^2 (đã trừ 93.5m^2 đường giao thông), trong đó có 257,1m^2 đất san lấp Kênh thuỷ lợi), là di sản thừa kế của cụ Võ Văn Lệ và cụ Nguyễn Thị Hy, phần di sản này được chia thừa kế theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất còn lại gồm 10 người gồm bà Võ Thị T, bà Võ Thị N, bà Võ Thị L, ông Võ Văn H, bà Võ Thị V, ông Võ Văn Th, bà Võ Thị Thuỷ, ông Võ Văn Đ, ông Võ Văn A và ông Võ Văn Ẩn, mỗi người sẽ được hưởng 1/10 di sản này, cụ thể như sau:

- Bà Võ Thị T được hưởng phần đất có tổng diện tích là 1.030,5m^2 (đã trừ 19,0m^2 đường giao thông), loại đất LUC (được ký hiệu là A), trong đó có 53,5m^2 đất Kênh thuỷ lợi đã san lấp.

- Bà Võ Thị N được hưởng phần đất có tổng diện tích là 1.020,9m^2 (đã trừ 18,7m^2 đường giao thông), loại đất LUC (được ký hiệu là B), trong đó có 52,1m^2 đất Kênh thuỷ lợi đã san lấp.

- Bà Võ Thị L được hưởng phần đất có tổng diện tích là 1.025,4m^2 (đã trừ 18,6m^2 đường giao thông), loại đất LUC (được ký hiệu là C), trong đó có 51,2m^2 đất Kênh thuỷ lợi đã san lấp.

- Ông Võ Văn A được hưởng phần đất có tổng diện tích là 1.032,1m^2 (đã trừ 18,6m^2 đường giao thông), loại đất LUC (được ký hiệu là D), trong đó có 50,5m^2 đất Kênh thuỷ lợi đã san lấp.

- Bà Võ Thị V được hưởng phần đất có tổng diện tích là 1.037,5m^2 (đã trừ 18,6m^2 đường giao thông), loại đất LUC (được ký hiệu là E), trong đó có 49,8m^2 đất Kênh thuỷ lợi đã san lấp.

- Ông Võ Văn Th được hưởng phần đất có tổng diện tích là 1.106,1m^2, loại đất CLN+LUC (được ký hiệu là J).

- Bà Võ Thị Thuỷ được hưởng phần đất có tổng diện tích là 1.073,3m^2, loại đất CLN+LUC (được ký hiệu là I).

- Ông Võ Văn Đ được hưởng phần đất có tổng diện tích là 1.040,6m^2, loại đất CLN+LUC (được ký hiệu là H).

- Ông Võ Văn H được hưởng phần đất có tổng diện tích là 1.011,6m^2, loại đất CLN+LUC (được ký hiệu là G).

- Ông Võ Văn Ẩn được hưởng phần đất có tổng diện tích là 1.013,7m^2, loại đất CLN+LUC (được ký hiệu là F).

(Kèm theo Bản trích đo địa chính số: 123/TTKTTNMT ngày 24/8/2022 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố C) (BL 158).

Các đương sự tự liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được công nhận cấp quyền sử dụng đất được hưởng theo nội dung quyết định trên của Bản án theo quy định của pháp luật về đất đai và chịu các khoản phí, lệ phí có liên quan.

- Về cây trồng gồm 127 cây nhãn loại B do bị đơn ông Võ Văn Ẩn trồng trên phần đất được ký hiệu là F (phần đất ông Ẩn được chia), ông Ẩn được tiếp tục sở hữu đối với cây trồng này.

- Đối với căn nhà có kết cấu khung bê tông đúc sẵn, vách tường, mái tole, nền gạch men, trần tấm prima có diện tích 38,11m^2 và mái che có diện tích 9,62m^2 của ông Võ Văn H xây dựng trên phần đất được ký hiệu là G (phần đất ông Hậu được hưởng), ông Hậu được tiếp tục sở hữu đối với căn nhà và mái che này.

(Kèm theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 06/4/2022 (BL 159 đến 164)).

- Về công sức đóng góp trong việc giữ gìn di sản thừa kế: Các đương sự trong vụ án không ai được trích công sức đóng góp trong việc giữ gìn, bảo quản di sản.

2. Công nhận quyền sử dụng đất thuộc các thửa số 109, loại đất T, thửa đất số 108, loại đất Q và thửa đất số 130, loại đất Q, tờ bản đồ số 04, có tổng diện tích theo giấy chứng nhận là 4.295m^2, toạ lạc tại ấp Thạnh Thuận, xã Đông Thạnh, huyện CT, tỉnh C (nay là khu vực Thạnh Lợi, phường T, quận C, thành phố C) của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000209 do Uỷ ban nhân dân huyện CT (cũ) cấp ngày 14/4/1998, là tài sản chung của 11 người, gồm ông Võ Văn Tưởng, bà Võ Thị T, bà Võ Thị N, bà Võ Thị L, ông Võ Văn H, bà Võ Thị

V, ông Võ Văn Th, bà Võ Thị Thuỷ, ông Võ Văn Đ, ông Võ Văn Ẩn và ông Võ Văn A.

Các đương sự tự liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được cấp quyền sử dụng đất đối với phần tài sản chung này theo quy định của pháp luật đất đai và chịu các khoản phí, lệ phí có liên quan.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Võ Thị T được miễn phần án phí phải nộp, nên bà Tới được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.410.000đ (Bốn triệu bốn trăm mười nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008173 ngày 04/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố C.

Bà Võ Thị N được miễn phần án phí phải nộp, nên bà Ngây được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.410.000đ (Bốn triệu bốn trăm mười nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008172 ngày 04/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố C.

Bà Võ Thị L được miễn phần án phí phải nộp, nên bà Lành được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.410.000đ (Bốn triệu bốn trăm mười nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008180 ngày 04/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố C.

Ông Võ Văn A nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 6.192.600đ (Sáu triệu một trăm chín mươi hai nghìn sáu trăm đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.410.000đ (Bốn triệu bốn trăm mười nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008174 ngày 04/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố C. Ông Ảnh còn phải nộp số tiền là 1.782.600đ (Một triệu bảy trăm tám mươi hai nghìn sáu trăm đồng).

Bà Võ Thị V nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 6.225.000đ (Sáu triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.410.000đ (Bốn triệu bốn trăm mười nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008177 ngày 04/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố C. Bà Vui còn phải nộp số tiền là 1.815.000đ (Một triệu tám trăm mười lăm nghìn đồng).

Ông Võ Văn Th nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 6.636.600đ (Sáu triệu sáu trăm ba mươi sáu nghìn sáu trăm đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.410.000đ (Bốn triệu bốn trăm mười nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008179 ngày 04/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân

sự quận C, thành phố C. Ông Thuẫn còn phải nộp số tiền là 2.226.600đ (Hai triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn sáu trăm đồng).

Bà Võ Thị Thuỷ nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 6.439.800đ (Sáu triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn tám trăm đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.410.000đ (Bốn triệu bốn trăm mười nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008176 ngày 04/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố C. Bà Thuỷ còn phải nộp số tiền là 2.029.800đ (Hai triệu không trăm hai mươi chín nghìn tám trăm đồng).

Ông Võ Văn Đ nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 6.243.600đ (Sáu triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn sáu trăm đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.410.000đ (Bốn triệu bốn trăm mười nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008175 ngày 04/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố C. Ông Được còn phải nộp số tiền là 1.833.600đ (Một triệu tám trăm ba mươi ba nghìn sáu trăm đồng).

Ông Võ Văn H được miễn phần án phí phải nộp, nên ông Hậu được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.410.000đ (Bốn triệu bốn trăm mười nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008178 ngày 04/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố C.

Ông Võ Văn Ẩn nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 6.082.200đ (Sáu triệu không trăm tám mươi hai nghìn hai trăm đồng).

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Số tiền là 9.973.000đ (Chín triệu chín trăm bảy mươi ba nghìn đồng), các nguyên đơn tự nguyện chịu số tiền này. Các nguyên đơn đã nộp tạm ứng trước và đã chi xong nên không phải nộp nữa.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; riêng đối với các đương sự vắng mặt nên có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

* ***Nơi nhận***:
- TAND Tp.C;
- VKSND Q.C;
- Chi cục THADS Q.C.
- Các đương sự;
- Lưu HS.

Phan Vũ Linh